

### Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

| Nội dung yêu cầu   | Mức độ đáp ứng  |                  |
|--|---|------------------|
| <b>3.1. Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công</b>  |   |                  |
| <p>3.1.1. Nguồn gốc, chất lượng các loại vật tư, vật liệu chính dự kiến sử dụng cho công trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cát san lấp; cát vàng;</li> <li>- Xi măng PCB40, xi măng PCB40 bên sulfate;</li> <li>- Đá các loại: 1x2, 4x6, đá hộc;</li> <li>- Cốt thép các loại; thép hình, thép tấm; thép hình, thép tấm Inox SUS304;</li> </ul>  | <p>Có bảng danh mục vật liệu, thiết bị chính phù hợp với yêu cầu của gói thầu, thể hiện rõ nhãn hiệu, nguồn gốc xuất xứ.</p> <p>Có cam kết của nhà thầu cung cấp hoặc hợp đồng nguyên tắc cung cấp riêng cho gói thầu này đáp ứng yêu cầu phù hợp với cam kết đặc tính, nguồn gốc, thông số kỹ thuật.</p> <p>Có bản cam kết đặc tính, nguồn gốc, thông số kỹ thuật của hàng hóa đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.</p> | <b>Đạt</b>       |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấp phối đá dăm loại I, cấp phối đá dăm loại II;</li> <li>- Bê tông nhựa nóng C12.5;</li> <li>- Vải địa kỹ thuật <math>\geq 11,5</math> kN/m (vải địa TS30 hoặc tương đương);</li> <li>- Vải địa kỹ thuật <math>\geq 19</math> kN/m (vải địa TS60 hoặc tương đương);</li> <li>- Rọ đá 2x1x0,5m.</li> <li>- Cừ tràm;</li> <li>- Máy đóng mở VĐ10.</li> </ul>   | <p>Không có bảng danh mục vật liệu, thiết bị chính hoặc có bảng danh mục vật tư, vật liệu, thiết bị chính nhưng chưa phù hợp với biện pháp thi công, với yêu cầu của gói thầu; kê khai thiếu danh mục vật liệu, thiết bị.</p> <p>Không có cam kết của nhà thầu cung cấp hoặc hợp đồng nguyên tắc hoặc bản cam kết đặc tính, nguồn gốc, thông số kỹ thuật của hàng hóa.</p>                                      | <b>Không đạt</b> |
| <p>3.1.2. Công tác chuẩn bị</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công tác chuẩn bị khởi công;</li> <li>- Tổ chức mặt bằng công trường (<i>Thể hiện bằng bản vẽ và thuyết minh</i>): Mặt bằng bố trí công trường, mặt bằng phục vụ thi công các cấu kiện đúc sẵn, thiết bị thi công, kho bãi tập kết vật tư, đường tạm phục vụ thi công phù hợp với mặt bằng công trình và đường vận chuyển phù hợp với mặt bằng thi công; bố trí rào chắn, biển báo, đèn tín hiệu.... khu vực công trường thi công.</li> <li>- Giải pháp tập kết máy móc thiết bị và vật tư vật liệu phù hợp với vị trí địa lý của công trình.</li> <li>- Giải pháp cấp điện, cấp nước,</li> </ul> | <p>Có công tác tổ chức mặt bằng thi công (bao gồm: thuyết minh và bản vẽ của từng công tác tổ chức mặt bằng thi công) theo yêu cầu, hợp lý và phù hợp với hiện trạng công trình xây dựng</p>  | <b>Đạt</b>       |
|  | <p>Không có hoặc thiếu <math>\geq 01</math> công tác tổ chức mặt bằng thi công (thiếu thuyết minh hoặc thiếu bản vẽ hoặc thiếu cả thuyết minh và bản vẽ) hoặc có công tác tổ chức mặt bằng thi công theo yêu cầu nhưng không hợp lý hoặc không phù hợp với hiện trạng công trình xây dựng.</p>  | <b>Không đạt</b> |

| Nội dung yêu cầu   | Mức độ đáp ứng   |                  |
|--|--|------------------|
| thoát nước, giao thông, liên lạc ở công trường trong quá trình thi công.   |  |                  |
| 3.1.3. Hệ thống tổ chức: Sơ đồ hệ thống tổ chức của Nhà thầu tại công trường ( <i>thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng vị trí</i> )            | Có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng thành viên theo yêu cầu và hợp lý.                                | <b>Đạt</b>       |
|  | Không có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng thành viên hoặc có nhưng không hợp lý.                      | <b>Không đạt</b> |
| 3.1.4. Công tác trắc đạc, quan trắc  | Có thuyết minh giải pháp trắc đạc đầy đủ, rõ ràng (từ giai đoạn chuẩn bị thi công, trong quá trình thi công và quan trắc cao độ sau quá trình thi công).                     | <b>Đạt</b>       |
|  | Không có hoặc có thuyết minh giải pháp theo yêu cầu trên nhưng không đầy đủ, chưa rõ ràng.   | <b>Không đạt</b> |
| 3.1.5. Biện pháp thi công đê   | Thuyết minh Biện pháp thi công: Nêu đầy đủ các hạng mục công trình hợp lý và có kèm bản vẽ minh họa.   | <b>Đạt</b>       |
|  | Thuyết minh Biện pháp thi công sơ sài, Biện pháp thi công không hợp lý hoặc không nêu đầy đủ các công tác hoặc nêu đầy đủ các công tác nhưng không đính kèm bản vẽ minh họa. | <b>Không đạt</b> |
| 3.1.6. Biện pháp thi công cống ngăn triều  | Thuyết minh Biện pháp thi công: Nêu đầy đủ các hạng mục công trình hợp lý và có kèm bản vẽ minh họa.   | <b>Đạt</b>       |
|  | Thuyết minh Biện pháp thi công sơ sài, Biện pháp thi công không hợp lý hoặc không nêu đầy đủ các công tác hoặc nêu đầy đủ các công tác nhưng không đính kèm bản vẽ minh họa  | <b>Không đạt</b> |
| 3.1.7. Biện pháp tổ chức thi công khi gặp các yếu tố về khí hậu, thời tiết, thủy văn bất thường và điều kiện gây bất lợi (mưa, bão, sạt lở, triều cường) | Có biện pháp tổ chức thi công hợp lý, phù hợp với điều kiện thi công, tiến độ thi công và hiện trạng đặc thù tại công trình xây dựng   | <b>Đạt</b>       |
|  | Không đáp ứng yêu cầu trên   | <b>Không đạt</b> |

| Nội dung yêu cầu   | Mức độ đáp ứng  |                  |
|--|---|------------------|
| <b>Kết luận</b>  | Tất cả các tiêu chuẩn chi tiết được đánh giá là Đạt   | <b>Đạt</b>       |
|  | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là Không đạt   | <b>Không đạt</b> |
| <b>3.2. Tiến độ thi công</b>   |   |                  |
| 3.2.1. Thời gian thi công: đảm bảo thời gian thi công $\leq 360$ ngày (kể cả ngày nghỉ, ngày lễ) có tính điều kiện thời tiết kể từ ngày khởi công.                   | Đề xuất thời gian thi công $\leq 360$ ngày (kể cả ngày nghỉ, ngày lễ) có tính điều kiện thời tiết kể từ ngày khởi công.   | Đạt              |
|  | Không đề xuất gian thi công $\leq 360$ ngày hoặc đề xuất về thời gian thi công vượt quá 360 ngày.   | Không đạt        |
| 3.2.2. Tính phù hợp:<br>a) Giữa huy động thiết bị và tiến độ thi công.<br>b) Giữa bố trí nhân lực và tiến độ thi công.<br>c) Giữa bố trí vật tư và tiến độ thi công. | Có trình bày đầy đủ, hợp lý, khả thi cho cả 3 nội dung a) và b) và c).  | Đạt              |
|  | Không trình bày hoặc trình bày không đủ 3 nội dung a) và b) và c).  | Không đạt        |
| 3.2.3. Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT  | Có Biểu tiến độ thi công chi tiết hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.  | Đạt              |
|  | Không có Biểu tiến độ thi công hoặc có Biểu tiến độ thi công nhưng không chi tiết (hoặc không hợp lý hoặc không khả thi hoặc không phù hợp với đề xuất kỹ thuật hoặc không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT). | Không đạt        |
| <b>Kết luận</b>  | Tất cả các tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.  | <b>Đạt</b>       |
|  | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.  | <b>Không đạt</b> |
| <b>3.3. Biện pháp bảo đảm chất lượng</b>   |   |                  |
| 3.3.1. Sơ đồ quản lý chất lượng và bộ phận quản lý chất lượng  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có sơ đồ quản lý chất lượng rõ ràng, hợp lý.</li> <li>- Có thuyết minh quyền hạn và nghĩa vụ của bộ phận quản lý chất lượng rõ ràng</li> </ul>                 | <b>Đạt</b>       |

| Nội dung yêu cầu   | Mức độ đáp ứng   |                  |
|--|--|------------------|
|  | Không trình bày đầy đủ các nội dung yêu cầu hoặc có trình bày nhưng sơ sài.  | <b>Không đạt</b> |
| 3.3.2. Biện pháp bảo đảm chất lượng vật liệu, thiết bị chính (danh mục theo mục 3.1.1) để phục vụ công tác thi công và biện pháp bảo quản vật liệu, thiết bị công trình khi mưa bão, triều cường dâng cao                            | Có nêu Biện pháp bảo đảm chất lượng vật liệu, thiết bị chính đầy đủ và hợp lý, khả thi và phù hợp với biện pháp thi công.  | <b>Đạt</b>       |
|  | Không nêu hoặc thiếu $\geq 1$ biện pháp bảo đảm chất lượng vật liệu, thiết bị hoặc có nêu nhưng không phù hợp với biện pháp thi công   | <b>Không đạt</b> |
| 3.3.3. Biện pháp bảo đảm chất lượng trong thi công<br>(a) Công tác phát quang, dọn dẹp mặt bằng trước khi thi công; công tác trắc đạc.<br>(b) Công tác thi công đê<br>(c) Công tác thi công cống ngăn triều                          | - Có nêu đầy đủ và hợp lý, khả thi và phù hợp với biện pháp thi công.  | <b>Đạt</b>       |
|  | - Không nêu hoặc thiếu $\geq 1$ biện pháp bảo đảm chất lượng trong thi công hoặc có nêu nhưng không phù hợp với biện pháp thi công).   | <b>Không đạt</b> |
| 3.3.3. Phòng thí nghiệm  | Nhà thầu phải có phòng thí nghiệm hoặc hợp đồng nguyên tắc với bên cho thuê; Nhà thầu hoặc bên cho thuê phải chứng minh được phòng thí nghiệm có mã LAS-XD do Bộ Xây dựng cấp còn hiệu lực và có chức năng thí nghiệm đầy đủ các tiêu chí đối với gói thầu này (Kèm theo tài liệu chứng minh). | <b>Đạt</b>       |
|  | Không đáp ứng các yêu cầu trên.  | <b>Không đạt</b> |
| <b>Kết luận</b>  | Tất cả các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt.   | <b>Đạt</b>       |
|  | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt  | <b>Không đạt</b> |
| 3.4. Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động, an ninh công trường, đảm bảo an toàn các công trình lân cận, bảo đảm an toàn giao thông, bảo đảm phòng chống thiên tai. |  |                  |
| 3.4.1. Biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.   | Có quy trình quản lý an toàn lao động tại công trình; Có Quy trình quản lý các rủi ro; Có sơ đồ tổ chức bộ máy công tác an toàn lao động; Có thuyết minh sơ đồ bộ máy hợp lý, rõ ràng.   | <b>Đạt</b>       |

| Nội dung yêu cầu  | Mức độ đáp ứng   |                  |
|---|--|------------------|
|   | Không có quy trình quản lý an toàn lao động tại công trình hoặc không có quy trình quản lý các rủi ro hoặc không có sơ đồ tổ chức bộ máy công tác an toàn lao động hoặc có nhưng thuyết minh sơ đồ bộ máy không hợp lý, không rõ ràng.   | <b>Không đạt</b> |
| 3.4.2. Biện pháp an toàn điện; phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Có biện pháp an toàn điện; phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.  | <b>Đạt</b>       |
|   | Không có biện pháp an toàn điện; phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp an toàn điện; phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.   | <b>Không đạt</b> |
| 3.4.3. Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công           | Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.   | <b>Đạt</b>       |
|   | Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hoặc có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.   | <b>Không đạt</b> |
| 3.4.4. Biện pháp đảm bảo an ninh công trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công          | Có biện pháp đảm bảo an ninh công trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.  | <b>Đạt</b>       |
|   | Không có biện pháp đảm bảo an ninh công trường hoặc có nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.   | <b>Không đạt</b> |
| 3.4.5. Biện pháp bảo đảm an toàn, không gây sụt lở và nguy hiểm cho công trình lân cận                                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có biện pháp bảo đảm an toàn các công trình lân cận hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công</li> <li>- Có cam kết an toàn công trình chính, công trình lân cận; cam kết khắc phục, sửa chữa công trình chính, công trình lân cận (kể cả thời gian bảo hành); đề xuất được biện pháp, giải pháp khắc phục sự cố công trình trong trường hợp các thiết bị thi công có gây chấn động như lu rung, đóng cù,... làm ảnh hưởng đến các công trình liên kề.</li> </ul> | <b>Đạt</b>       |

| Nội dung yêu cầu  | Mức độ đáp ứng  |                  |
|---|---|------------------|
|   | Không có hoặc có đề xuất, cam kết các nội dung trên nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp, không rõ ràng   | <b>Không đạt</b> |
| 3.4.6. Biện pháp bảo đảm an toàn giao thông hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.  | Có biện pháp bảo đảm an toàn giao thông hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công   | <b>Đạt</b>       |
|   | Không có biện pháp bảo đảm an toàn giao thông hoặc có biện pháp bảo đảm an toàn giao thông nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công                             | <b>Không đạt</b> |
| 3.4.7. Biện pháp bảo đảm phòng chống thiên tai  | Có biện pháp bảo đảm phòng chống thiên tai, dịch bệnh hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công   | <b>Đạt</b>       |
|   | Không có biện pháp bảo đảm phòng chống thiên tai, dịch bệnh hoặc có biện pháp bảo đảm phòng chống thiên tai, dịch bệnh nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | <b>Không đạt</b> |
| <b>Kết luận</b>   | Tất cả các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt.  | <b>Đạt</b>       |
|   | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt   | <b>Không đạt</b> |
| <b>3.5. Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì</b>   |   |                  |
| Thời gian bảo hành 12 tháng.  | Có đề xuất thời gian bảo hành lớn hơn hoặc bằng 12 tháng.   | <b>Đạt</b>       |
|   | Có đề xuất thời gian bảo hành nhỏ hơn 12 tháng.   | <b>Không đạt</b> |
| <b>Kết luận</b>   | Tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.   | <b>Đạt</b>       |
|   | Tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.   | <b>Không đạt</b> |
| <b>3.6. Uy tín của nhà thầu thông qua kết quả thực hiện hợp đồng gói thầu xây lắp, EPC, EC, PC của nhà thầu</b> |   |                  |
| Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng tương tự của nhà thầu theo quy định tại khoản 3 Điều 20 của             | Nhà thầu có bản scan cam kết không thuộc các trường hợp vi phạm các nội dung a), b) và c) theo quy định tại khoản 3 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.  | <b>Đạt</b>       |

| Nội dung yêu cầu  | Mức độ đáp ứng   |                  |
|---|--|------------------|
| <p>Nghị định số 214/2025/NĐ-CP gồm:</p> <p>a) Tiến độ thực hiện hợp đồng;</p> <p>b) Chất lượng hàng hóa, dịch vụ, công trình, bao gồm các sự cố xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng (nếu có) và các yếu tố khác có liên quan;</p> <p>c) Vi phạm hợp đồng, chấm dứt hợp đồng và lý do.</p> <p>Lưu ý: Đối với liên danh dự thầu: Từng thành viên trong liên danh phải có cam kết đáp ứng theo yêu cầu mới được đánh giá là đạt.</p> | <p>Nhà thầu vi phạm các nội dung a), b) và c) theo quy định tại khoản 3 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP hoặc nhà thầu không có bản cam kết không thuộc các trường hợp vi phạm một trong các nội dung a), b) và c) theo quy định tại khoản 3 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.</p> | <b>Không đạt</b> |
| <b>Kết luận</b>   | Tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt.  | <b>Đạt</b>       |
|   | Tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.  | <b>Không đạt</b> |
| <b>3.7. Nội dung khác</b>   |  |                  |
| Yêu cầu về trình bày giải pháp kỹ thuật của hồ sơ dự thầu   | Trình bày giải pháp kỹ thuật phải đầy đủ các nội dung yêu cầu, đảm bảo thứ tự các yêu cầu kỹ thuật của HSMT, đề xuất giải pháp kỹ thuật phải phù hợp quy định hiện hành.   | <b>Đạt</b>       |
|   | Không đáp ứng các yêu cầu trên.  | <b>Không đạt</b> |
| <b>Kết luận</b>   | Tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt.  | <b>Đạt</b>       |
|   | Tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.  | <b>Không đạt</b> |